

Số: 94/2022/QĐST-DS

Hoài Đức, ngày 27 tháng 7 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

*Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án*

*Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án sơ thẩm thụ lý số 147/2021/TLST- DSST ngày 16 tháng 12 năm 2022.*

### XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án ngày 19 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn 2, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Ủy quyền cho:

Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Phòng 3109, ĐN2, Tòa H, 27 LVL, NC, TX, Hà Nội

**Bi đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959;

Trú tại: Thôn 2, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Tuyết D, sinh năm 1979;

Trú tại: TDP 10, phường YN, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982;

Trú tại: Số 65C1, đường 11, tổ 7, khu phố 4, phường LX, thành phố TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị D và chị H ủy quyền cho bà Lê Thị Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Phòng 3109, ĐN2, Tòa H, 27 LVL, NC, TX, Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Số 07 ĐTM, phường NT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Số 89 A LNĐ, phường CĐ, quận HK, Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Thôn 3, xã LY, huyện HD, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 08 CL, phường 2, quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1951.

Địa chỉ: A11 tổ 1C cụm 11, phường TL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978;

- Anh Nguyễn Đức Y, sinh năm 2006;

- Cháu Nguyễn Đức Ngh, sinh năm 2009;

Đều trú tại: Thôn 25, xã VV, huyện CM, thành phố Hà Nội

Người đại diện trước pháp luật của cháu Y và cháu Ngh:

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978

Trú tại: Thôn 25, xã VV, huyện CM, thành phố Hà Nội

Bà T, bà D, bà Th, bà H, bà Y, chị Th đều ủy quyền cho:

1. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT: Số 110A8, PM, ĐĐ, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 8, ngõ 651/82/3 phố MK, phường TL, quận HBT, thành phố Hà Nội.

2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 32, đường NT, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Đình A gồm:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1940, bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1944, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1946, bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1951, ông Nguyễn Đình Nh (đã chết năm 2017).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Nhiên gồm:

Bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Tuyết D, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu Tr, anh Nguyễn Đức Y, sinh năm 2006, anh Nguyễn Đức Ngh, sinh năm 2009 (người đại diện theo pháp luật của anh Y và anh Ngh là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978).

Các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị H và cụ Nguyễn Đình A, ông Nguyễn Đình Nh thỏa thuận như sau:

- Đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 197,1m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế 186.5m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm 2 (nay là thôn 2), xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội mục đích sử dụng là đất ở, sử dụng lâu dài, nguồn gốc của cha ông, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S562705, do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 24/6/2003 cho hộ ông Nguyễn Đình Nh được xác định là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình A, ông Nguyễn Đình Nh để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình A, ông Nguyễn Đình Nh nhất trí cử bà Nguyễn Thị T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là người quản lý, sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 197,1m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế 186.5m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm 2 (nay là thôn 2), xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội vào mục đích thờ cúng.

Trường hợp bà Tuyên chết, thì các đồng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Nh có quyền thỏa thuận và cử một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Nh làm người quản lý, sử dụng và thờ cúng chung sau này.

Bà Nguyễn Thị T và những người được cử quản lý, sử dụng thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02, diện tích đất 197,1m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế 186.5m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm 2 (nay là thôn 2), xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội không được chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cầm cố hoặc định đoạt thửa đất này dưới bất kỳ hình thức nào.

Những đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị H, Nguyễn Đình A, ông Nguyễn Đình Nh có quyền đi lại, thờ cúng, theo phong tục tập quán của địa phương không ai có quyền ngăn cản.

- Đối với diện tích 150m<sup>2</sup>, thửa đất số 241, Tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ Khu đất dịch vụ, xã LY, huyện HĐ, TP Hà Nội có tiêu chuẩn của cụ Nguyễn Thị H, cụ Nguyễn Đình A và ông Nguyễn Đình Nh sẽ được chia theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Di sản của cụ A và cụ H có diện tích là 35.45m<sup>2</sup>. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ánh và cụ Hai gồm: Nguyễn Thị T, sinh năm 1940, bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1944, bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1946, bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1951, ông Nguyễn Đình Nh (đã chết năm 2017) mỗi người được hưởng di sản thừa kế có giá trị là: 442.500.000đ (Bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Di sản của ông Nh (phần ông Nh được hưởng của cụ A và cụ H và phần tiêu chuẩn của ông Nh) có diện tích là 29.68m<sup>2</sup>, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Nh gồm: Bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Tuyết D, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu Tr, anh Nguyễn Đức Y, sinh năm 2006, anh Nguyễn Đức Ng, sinh năm 2009 (người đại diện theo pháp luật của anh Y và anh Ng là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978), mỗi người được hưởng di sản thừa kế có giá trị là: 370.500.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Giao toàn bộ phần diện tích 150m<sup>2</sup>, thửa đất số 241, Tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ Khu đất dịch vụ, xã LY, huyện HĐ, TP Hà Nội cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán giá trị cho các bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thúy H, bà Nguyễn Thị Y mỗi người số tiền là: 442.500.000đ (Bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán giá trị cho anh Nguyễn Đức Y, sinh năm 2006, anh Nguyễn Đức Ngh, sinh năm 2009 (người đại diện theo pháp luật của anh Y và anh Ngh là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978) mỗi người số tiền là 370.500.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Tuyết D, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Thu Tr dành toàn bộ kỹ phần và phần diện tích đất dịch vụ mà mình được hưởng tặng cho bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: xóm 2 (nay là thôn 2), xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội và thửa đất số 241, Tờ bản đồ số 4, địa chỉ Khu đất dịch vụ, xã LY, huyện HĐ, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0015405 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Hoài Đức.

- Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Tu, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thúy H và bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Đức Y, anh Nguyễn Đức Ngh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo , kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND.TP Hà Nội
- VKSND.H.Hoài Đức;
- Cơ quan THADS.H.Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Kim Anh**